TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2019
V/v: Ly hôn giữa bà M và ông S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị Hải
2. Ông Tống Văn Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Xuân Hùng- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 09 năm 2019, về tranh chấp "*Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tạ Thị M, sinh năm 1976
Địa chỉ cư trú: đường L, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1973
Địa chỉ cư trú: thôn X, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2018, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn S tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào ngày 13/2/2018 đến ngày 16/4/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc, từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tôn T lẫn nhau, mẹ chồng nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà nhưng ông S không can thiệp mà bỏ mặc thậm chí đánh đập bà, do bức xúc tôi bỏ ra ở trọ từ khi còn mang thai, tuy nhiên ông S cũng không hỏi han quan tâm gì tới bà, sau đó vì con nên bà có quay trở về nhưng ông S vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Bà M và

ông S đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án cho ly hôn.

- Về con chung: Bà M và ông S có 01 con chung tên Ngô Văn T, sinh ngày 13/12/2010. Từ trước đến nay cháu T đều sống với bà M, nay ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, bà đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung, nợ riêng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập ông S nhiều lần nhưng ông S vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà M được ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận; về con chung: đề nghị giao cháu Ngô Văn T, sinh ngày 13/12/2010 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Tạ Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Ngô Văn S hiện cư trú tại xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị M và ông Ngô Văn S tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào ngày 13/2/2018 đến ngày 16/4/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; hôn nhân tự nguyện tiến bộ, không ai bị ép buộc. Vợ chồng bà M, ông S chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo bà M trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông S không quan tâm chăm sóc bà M mà bỏ mặc không quan tâm và đánh đập bà M. Bà M và ông S đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa, bà M đề nghị Tòa án cho ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thì bà M và ông S

sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông S đã trầm trọng, mạnh ai nấy sống, không ai qua tâm đến ai, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ và hợp pháp.

[4]. Về nuôi con chung: Bà M và ông S có 01 con chung tên Ngô Văn T, sinh ngày 13/12/2010. Bà M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, xét nguyện vọng của bà M là phù hợp bởi lẽ từ nhỏ đến nay cháu T đều do bà M chăm sóc nuôi dưỡng, ông S không hỏi han quan tâm tới cháu T, bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu T cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà M khai đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6]. Về nợ chung, nợ riêng: Đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tạ Thị M và ông Ngô Văn S

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Văn T, sinh ngày 13/12/2010 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M có đủ điều kiện nuôi con không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Tạ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002539 ngày 18/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc (bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND TP. Bảo Lộc;
+ T.H.A Bảo Lộc;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND xã Lộc An, Bảo Lâm;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Trần Thị Qui